

Báo cáo kỳ 07 dự báo từ ngày 28/02 đến 06/03/2018



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **VIỆN NƯỚC, TƯƠI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

NHIỆM VỤ:

**GIÁM SÁT, DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LIỄN SƠN, PHỤC VỤ SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP**

BÁO CÁO KỲ 07 DỰ BÁO TỪ NGÀY 28/02 ĐẾN 06/03/2018

Chủ nhiệm: Phạm Thanh Bình

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Thủy lợi, Môi trường Ven biển và Hải đảo

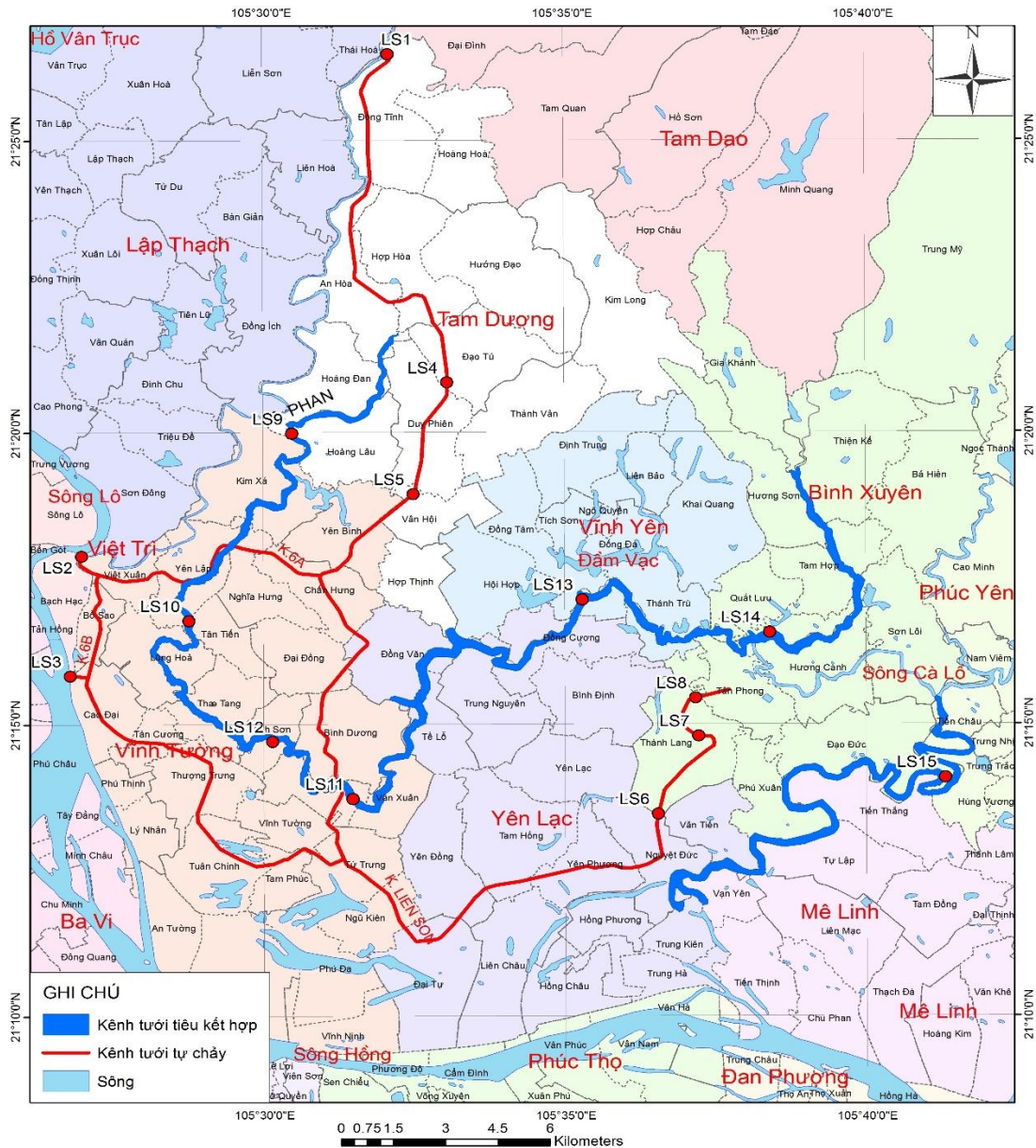
Dự án giám sát, dự báo chất lượng nước phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp hệ thống công trình thủy lợi Liễn Sơn được Tổng cục Thủy lợi - Bộ NN&PTNN giao Viện Nước, Tươi tiêu và Môi trường thực hiện hàng năm. Thời gian thực hiện từ 16/1 đến 9/4, trong đó tháng 1, tháng 2 có 2 kỳ lấy mẫu; tháng 3 có 1 kỳ lấy mẫu và dự báo cho 7 ngày tiếp theo. Báo cáo kỳ được đưa lên trang web www.httl.com.vn; và gửi các địa phương vùng dự án.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Chủ nhiệm dự án: Phạm Thanh Bình ĐT: 0913.351.186

I. Vị trí dự báo chất lượng nước từ ngày 28/02/2018 đến ngày 06/03/2018

Vị trí các trạm quan trắc chất lượng nước được đặt ở những điểm tại đầu mối và các kênh trục quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực lấy nước. Dự án quan trắc 15 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:

VỊ TRÍ LẤY MẪU HỆ THỐNG THỦY LỢI LIỄN SƠN



Bản đồ vị trí các trạm quan trắc, dự báo chất lượng nước

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 28/02/2018 đến ngày 06/03/2018

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong các ngày tới

Theo Trung dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương:

Trong tháng 3, mực nước trên các sông thuộc hệ thống sông Hồng - Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Trên sông Đà, tổng lượng nước đến hồ Hòa Bình lớn hơn TBNN khoảng 204%, do ảnh hưởng điều tiết từ thủy điện Sơn La.

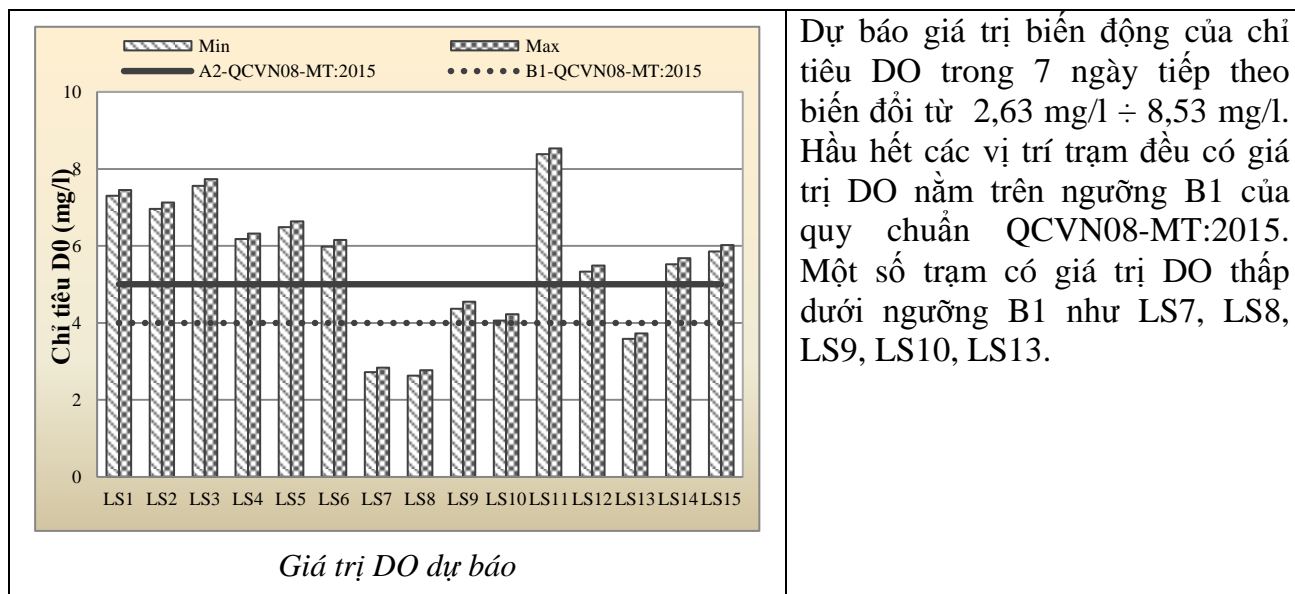
Lưu lượng trung bình: Trên sông Thao tại trạm Yên Bái là 110 m³/s thấp hơn 46 % so với TBNN; trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang là 130 m³/s thấp hơn 50% so với TBNN.

Vụ Đông Xuân 2017÷2018, diện tích canh tác do hệ thống thủy lợi Liên Sơn phục trách trong giai đoạn bèn rễ, đẻ nhánh. Thời tiết thuận lợi cho cây phát triển.

2. Dự báo hàm lượng ô nhiễm hữu cơ trong các ngày tới

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 28/02/2018 đến ngày 06/03/2018 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

a. Chỉ tiêu DO

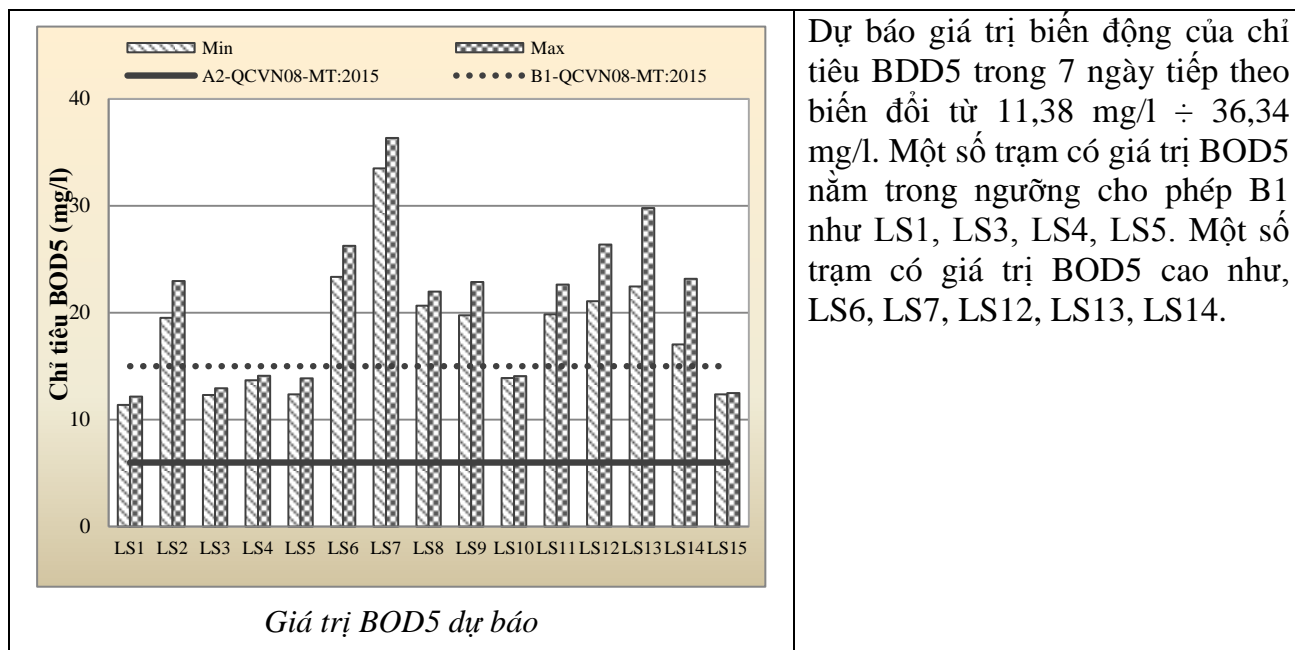


Bảng 1. Kết quả dự báo thông số DO các trạm đến ngày 06/03/2018

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	28/2/2018	1/3/2018	2/3/2018	3/3/2018	4/3/2018	5/3/2018	6/3/2018
1	LS1	7,42	7,45	7,41	7,39	7,36	7,33	7,30
2	LS2	7,09	7,12	7,08	7,05	7,02	6,99	6,96
3	LS3	7,73	7,70	7,67	7,65	7,62	7,58	7,56
4	LS4	6,29	6,32	6,29	6,26	6,23	6,21	6,18
5	LS5	6,61	6,63	6,60	6,57	6,53	6,50	6,48
6	LS6	6,15	6,13	6,09	6,05	6,03	6,01	5,98
7	LS7	2,75	2,77	2,81	2,83	2,78	2,75	2,72
8	LS8	2,77	2,74	2,72	2,69	2,67	2,66	2,63
9	LS9	4,55	4,51	4,48	4,45	4,41	4,38	4,36
10	LS10	4,22	4,20	4,16	4,13	4,11	4,09	4,06
11	LS11	8,53	8,50	8,47	8,45	8,42	8,40	8,38
12	LS12	5,49	5,45	5,43	5,41	5,39	5,36	5,33
13	LS13	3,72	3,70	3,68	3,65	3,63	3,61	3,58
14	LS14	5,65	5,68	5,63	5,60	5,57	5,55	5,52
15	LS15	5,97	6,02	5,98	5,95	5,91	5,88	5,85

b. Chỉ tiêu BOD5

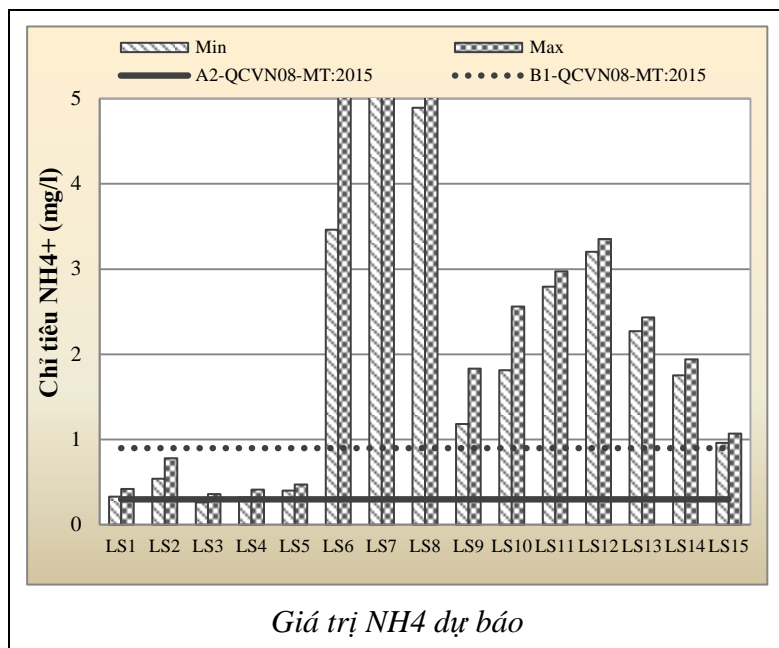


Bảng 2. Kết quả dự báo thông số BOD5 các trạm đến ngày 06/03/2018

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	28/2/2018	1/3/2018	2/3/2018	3/3/2018	4/3/2018	5/3/2018	6/3/2018
1	LS1	11,38	11,49	11,65	11,76	11,89	12,02	12,16
2	LS2	22,97	22,38	21,89	21,46	20,76	20,24	19,51
3	LS3	12,31	12,43	12,55	12,62	12,76	12,85	12,93
4	LS4	14,09	13,96	13,89	13,83	13,78	13,72	13,67
5	LS5	13,86	13,56	13,21	12,98	12,81	12,53	12,36
6	LS6	23,34	23,86	24,26	24,76	25,31	25,81	26,26
7	LS7	36,34	35,76	35,26	34,81	34,36	33,92	33,48
8	LS8	20,64	20,78	21,06	21,34	21,57	21,71	21,96
9	LS9	22,86	22,13	21,76	21,23	20,76	20,18	19,75
10	LS10	13,89	13,93	13,96	13,98	14,03	14,05	14,07
11	LS11	22,64	22,16	21,76	21,23	20,86	20,31	19,85
12	LS12	26,38	25,26	24,12	22,89	22,16	21,86	21,06
13	LS13	29,78	28,68	27,43	26,15	24,86	23,69	22,45
14	LS14	23,16	21,89	20,67	19,73	18,59	17,46	17,02
15	LS15	12,45	12,48	12,46	12,44	12,41	12,38	12,36

c. Chỉ tiêu NH4



Dự báo giá trị biến động của chỉ tiêu NH4 trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 0,35 mg/l ÷ 6,58 mg/l. Chỉ có vị trí tại trạm LS1, LS2, LS3, LS4, LS5 là có giá trị NH4 nằm trong ngưỡng B1 của quy chuẩn QCVN08-MT:2015. Một số trạm có giá trị NH4 cao như LS6, LS7, LS8, LS11, LS12.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số NH4 các trạm đến ngày 06/03/2018

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	28/2/2018	1/3/2018	2/3/2018	3/3/2018	4/3/2018	5/3/2018	6/3/2018
1	LS1	0,42	0,40	0,39	0,37	0,36	0,35	0,33
2	LS2	0,78	0,74	0,70	0,67	0,63	0,59	0,54
3	LS3	0,36	0,34	0,32	0,30	0,29	0,27	0,26
4	LS4	0,41	0,39	0,38	0,36	0,35	0,33	0,32
5	LS5	0,47	0,47	0,46	0,44	0,44	0,42	0,40
6	LS6	3,46	3,96	4,21	4,46	4,67	4,98	5,21
7	LS7	6,89	7,13	7,38	7,68	7,91	8,20	8,34
8	LS8	5,56	5,43	5,38	5,26	5,12	4,96	4,89
9	LS9	1,83	1,72	1,64	1,52	1,34	1,23	1,18
10	LS10	2,56	2,41	2,29	2,15	2,06	1,94	1,81
11	LS11	2,97	2,95	2,94	2,91	2,86	2,83	2,79
12	LS12	3,20	3,22	3,25	3,28	3,30	3,33	3,35
13	LS13	2,38	2,41	2,43	2,38	2,35	2,32	2,27
14	LS14	1,75	1,79	1,83	1,85	1,87	1,91	1,94
15	LS15	0,96	0,98	1,03	1,07	1,05	1,02	0,99

3. Các khuyến nghị, cảnh báo

(1). Dự báo trong thời gian tiếp theo, nhìn chung chất lượng nước dựa trên các yếu tố dự báo đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu, một số khu vực do ảnh hưởng xả thải của dân cư vì vậy hàm lượng DO sẽ có xu thế giảm so với khu vực gần sông chính, các yếu tố BOD5 và NH4 có xu thế lớn hơn như các trạm LS7, LS8, LS12, LS13, LS14.

(2). Đề nghị cần cảnh báo các địa phương trong vùng về thực trạng ô nhiễm NH4, phải có biện pháp xử lý nếu lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt, cần trọng trong nuôi trồng thủy sản do nguy cơ dịch bệnh.

4. Nguồn tài liệu tham khảo

[1]. Báo cáo tổng kết công tác nông nghiệp năm 2017 và triển khai nhiệm vụ năm 2018 tỉnh Vĩnh Phúc;

[2]. Lịch gieo trồng và kế hoạch gieo trồng năm 2017-2018 của tỉnh Vĩnh Phúc.